

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ THƯƠNG MẠI  
BẰNG GIANG CAO BẰNG - VIMICO**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 26

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Bằng Giang Cao Bằng - Vimico trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Bằng Giang - Cao Bằng - Vimico (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Khách sạn Bằng Giang được thành lập theo Quyết định số 444/QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2008 của UBND Tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Khách sạn Bằng Giang thành Công ty cổ phần.

Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Bằng Giang - Cao Bằng - Vimico được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4800130044 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp lần đầu ngày 01 tháng 9 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 02 tháng 12 năm 2021.

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 ngày 02 tháng 12 năm 2021, Vốn điều lệ là 18.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Mười tám tỷ đồng*).

Địa chỉ Trụ sở chính: Số 001, Phố Kim Đồng, Phường Hợp Giang, Thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại Sàn Upcom từ ngày 16/3/2021. Mã chứng khoán: BCV.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Văn Viên	Chủ tịch
Bà Nông Thị Thúy	Thành viên
Ông Lê Văn Huyền	Thành viên
Ông Vương Văn Hường	Thành viên
Ông Đỗ Văn Thắng	Thành viên

#### **Ban Kiểm soát**

Bà Nông Thị Thuỳ Trang	Trưởng ban Kiểm soát
Bà Đào Thị Vân Anh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh	Thành viên

#### **Ban Giám đốc và Kế toán trưởng**

Bà Nông Thị Thúy	Giám đốc
Ông Dương Quốc Thái	Kế toán trưởng

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực, và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Nông Thị Thúy**  
**Giám đốc**

Cao Bằng, ngày 24 tháng 3 năm 2023

Số: 113/2023/BCKT-CPA VIETNAM-NV1

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi:**Các Cổ đông****Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc****Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Bằng Giang Cao Bằng - Vimico**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Bằng Giang Cao Bằng - Vimico được lập ngày 24 tháng 3 năm 2023, từ trang 06 đến trang 26, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



A blue handwritten signature.

---

**Vũ Ngọc Ân****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán 0496-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2023/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2023 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM****Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2023

---

**Vũ Anh Tuấn****Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán 3011-2022-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2023/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2023 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ THƯƠNG  
MẠI BẰNG GIANG CAO BẰNG - VIMICO**

Số 001, Phố Kim Đồng, Phường Hợp Giang, Thành phố  
Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>4.846.068.847</b>	<b>2.502.324.863</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>3.040.676.896</b>	<b>1.531.707.803</b>
1. Tiền	111		3.040.676.896	1.531.707.803
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.086.969.808</b>	<b>790.317.043</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	966.776.008	668.691.008
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	176.884.800	178.317.035
3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.4	(56.691.000)	(56.691.000)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.5</b>	<b>192.900.428</b>	<b>157.592.854</b>
1. Hàng tồn kho	141		192.900.428	157.592.854
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>525.521.715</b>	<b>22.707.163</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	19.408.604	11.914.607
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		10.792.555	10.792.555
3. Thuế và các khoản khác phải thu NN	153	5.10	495.320.556	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+230+ 240+250+260)	<b>200</b>		<b>15.104.376.823</b>	<b>16.683.285.898</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>14.588.943.430</b>	<b>16.269.970.634</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	14.588.943.430	16.269.970.634
- Nguyên giá	222		45.532.442.385	45.532.442.385
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(30.943.498.955)	(29.262.471.751)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>515.433.393</b>	<b>413.315.264</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	515.433.393	413.315.264
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>19.950.445.670</b>	<b>19.185.610.761</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>5.721.000.990</b>	<b>5.607.159.994</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>3.636.989.764</b>	<b>3.549.753.846</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.8	1.767.183.471	1.767.224.819
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.9	51.750.000	16.900.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	347.759.528	339.258.283
4. Phải trả người lao động	314		264.519.436	79.715.236
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.11	2.045.325	2.111.280
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.12	974.132.590	1.097.009.387
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	69.822.446	12.302.873
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	139.089.996	231.324.996
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		20.686.972	3.906.972
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.084.011.226</b>	<b>2.057.406.148</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.12	649.909.046	507.272.722
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.13	1.276.169.667	1.276.169.667
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.14	157.932.513	273.963.759
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>14.229.444.680</b>	<b>13.578.450.767</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.15</b>	<b>14.229.444.680</b>	<b>13.578.450.767</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		18.000.000.000	18.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		18.000.000.000	18.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		730.777.438	730.777.438
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(4.501.332.758)	(5.152.326.671)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(5.152.326.671)	(4.454.062.510)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		650.993.913	(698.264.161)
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>19.950.445.670</b>	<b>19.185.610.761</b>

Cao Bằng, ngày 24 tháng 3 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Lục Thị Yến

Dương Quốc Thái

Nông Thị Thúy



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	10.553.325.314	6.127.894.169
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		10.553.325.314	6.127.894.169
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	8.260.738.142	6.080.075.144
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		2.292.587.172	47.819.025
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	2.465.846	1.203.731
7. Chi phí tài chính	22	6.4	41.612.170	80.987.237
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		41.612.170	80.987.237
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	2.401.532.357	1.926.008.268
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	30		(148.091.509)	(1.957.972.749)
11. Thu nhập khác	31	6.6	820.654.546	1.271.179.998
12. Chi phí khác	32	6.6	21.569.124	11.471.410
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		799.085.422	1.259.708.588
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		650.993.913	(698.264.161)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		650.993.913	(698.264.161)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	361,7	(387,9)

Cao Bằng, ngày 24 tháng 3 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc







Lục Thị Yến

Dương Quốc Thái

Nông Thị Thúy

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(theo phương pháp gián tiếp)*  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		650.993.913	(698.264.161)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.681.027.204	1.681.720.942
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.465.846)	(1.203.731)
- Chi phí lãi vay	06		41.612.170	80.987.237
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2.371.167.441	1.063.240.287
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(791.973.320)	545.719.105
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(35.307.574)	74.117.715
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		285.171.917	(518.170.236)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(109.612.126)	592.943.652
- Tiền lãi vay đã trả	14		(41.116.845)	(80.425.957)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		795.080.000	1.253.490.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(758.640.000)	(1.325.990.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.714.769.493	1.604.924.566
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.465.846	1.203.731
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.465.846	1.203.731
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(208.266.246)	(1.267.488.318)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(208.266.246)	(1.267.488.318)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		1.508.969.093	338.639.979
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.531.707.803	1.193.067.824
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60)	70	5.1	3.040.676.896	1.531.707.803

Cao Bằng, ngày 24 tháng 3 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lục Thị Yến

Dương Quốc Thái

Nông Thị Thúy

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Bằng Giang - Cao Bằng – Vimico tiền thân là Khách sạn Bằng Giang được thành lập theo Quyết định số 444/QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2008 của UBND Tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Khách sạn Bằng Giang thành Công ty cổ phần. Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Bằng Giang - Cao Bằng – Vimico được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4800130044 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp lần đầu ngày 01 tháng 9 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 02 tháng 12 năm 2021.

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 ngày 02 tháng 12 năm 2021, Vốn điều lệ của Công ty là 18.000.000.000 đồng (*Mười tám tỷ đồng*).

Địa chỉ Trụ sở chính: Số 001, Phố Kim Đồng, Phường Hợp Giang, Thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại Sàn Upcom từ ngày 16/03/2021. Mã chứng khoán: BCV.

Số lao động của Công ty tại ngày 31/12/2022 là 26 người (Tại ngày 01/01/2022 là 25 người).

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Kinh doanh khách sạn;
- Kinh doanh nhà hàng, ăn uống và giải khát;
- Kinh doanh lữ hành nội địa và lữ hành quốc tế;
- Kinh doanh thương mại.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là dịch vụ khách sạn, nhà hàng, ăn uống.

**1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường: Chu kỳ hoạt động kinh doanh là 12 tháng.

**1.4 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Năm 2022, đại dịch COVID-19 mặc dù đã giảm nhưng tâm lý lo sợ nhiễm bệnh của một số người dân vẫn còn, hoạt động du lịch chưa phục hồi được như trước đại dịch, Doanh thu của Công ty trong năm 2022 vẫn bị ảnh hưởng. Chính phủ đã và đang có nhiều chính sách nhằm hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn. Công ty được giảm 30% tiền thuê đất theo Nghị quyết 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ và Quyết định số 01/2023/QĐ-TTg ngày 31/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

**1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Do đó các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ và ghi sổ bằng máy vi tính.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền**

Tiền: Bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<b><u>Thời gian khấu hao</u></b> <b><u>(Số năm)</u></b>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	05

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty là công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng và chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước của Công ty được phân bổ vào chi phí sản xuất theo phương pháp đường thẳng, với thời gian phân bổ không quá 12 tháng và 36 tháng.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

**Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện của Công ty là doanh thu nhận trước về cho thuê mặt bằng.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

**Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn cung cấp hàng hóa, dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong năm. Chi phí tài chính của Công ty là chi phí đi vay.

Chi phí đi vay: Ghi nhận căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế khác**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất 20%.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ nhà hàng khách sạn và trong lãnh thổ Việt Nam, do đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	274.403.528	210.347.777
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.766.273.368	1.321.360.026
<b>Tổng</b>	<b>3.040.676.896</b>	<b>1.531.707.803</b>

**5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>966.776.008</b>	<b>668.691.008</b>
Sở Tài chính Cao Bằng	62.276.000	65.251.000
Văn phòng Tỉnh ủy Cao Bằng	40.500.000	84.440.000
Hội cựu chiến binh tỉnh Cao Bằng	92.500.000	-
Chi cục phát triển nông thôn tỉnh Cao Bằng	74.500.000	-
Các đối tượng khác	697.000.008	519.000.008
<b>Tổng</b>	<b>966.776.008</b>	<b>668.691.008</b>
<i>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</i>	<i>135.575.000</i>	<i>242.914.000</i>
<i>(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 7.1)</i>		

**5.3 Phải thu khác**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>176.884.800</b>	-	<b>178.317.035</b>	-
Ký cược, ký quỹ (i)	100.000.000	-	100.000.000	-
Công ty du lịch Á Châu	75.000.000	-	75.000.000	-
Các khoản khác	1.884.800	-	3.317.035	-
<b>Tổng</b>	<b>176.884.800</b>	-	<b>178.317.035</b>	-

(i) Ký quỹ lý hành quốc tế Ngân hàng BIDV.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.4 Nợ xấu**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	56.691.000	-	56.691.000	-
				<b>Quá hạn trên 3 năm</b>
Tên Công ty				19.177.000
Công ty Đầu tư và Phát triển miền núi				37.514.000
Công ty Liên minh người dùng				<b>56.691.000</b>
<b>Tổng</b>				<b>56.691.000</b>

**5.5 Hàng tồn kho**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	72.700.241	-	39.491.079	-
Công cụ, dụng cụ	59.994.466	-	49.614.135	-
Hàng hoá	60.205.721	-	68.487.640	-
<b>Tổng</b>	<b>192.900.428</b>	<b>-</b>	<b>157.592.854</b>	<b>-</b>

**5.6 Chi phí trả trước**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>19.408.604</b>	<b>11.914.607</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng và chi phí khác	19.408.604	11.914.607
<b>Dài hạn</b>	<b>515.433.393</b>	<b>413.315.264</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	515.433.393	413.315.264
<b>Tổng</b>	<b>534.841.997</b>	<b>425.229.871</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ THƯƠNG MẠI  
BẢNG GIANG CAO BẰNG - VIMICO**

Số 001, Phố Kim Đồng, Phường Hợp Giang, Thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, Việt Nam.

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.7 Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng	Đơn vị tính: VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>							
Số dư tại 01/01/2022	39.165.191.828	5.398.513.416	546.812.349	76.363.636	345.561.156	45.532.442.385	
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	
Số dư tại 31/12/2022	39.165.191.828	5.398.513.416	546.812.349	76.363.636	345.561.156	45.532.442.385	
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>							
Số dư tại 01/01/2022	24.372.337.391	3.921.397.219	546.812.349	76.363.636	345.561.156	29.262.471.751	
Tăng trong năm	1.038.393.288	642.633.916	-	-	-	1.681.027.204	
Khấu hao trong năm	1.038.393.288	642.633.916	-	-	-	1.681.027.204	
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	
Số dư tại 31/12/2022	25.410.730.679	4.564.031.135	546.812.349	76.363.636	345.561.156	30.943.498.955	
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>							
Số dư tại 01/01/2022	14.792.854.437	1.477.116.197	-	-	-	16.269.970.634	
Số dư tại 31/12/2022	13.754.461.149	834.482.281	-	-	-	14.588.943.430	

Giá trị còn lại của Tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2022: 13.754.461.169 đồng (tại ngày 31/12/2021: 14.792.854.433 đồng).

Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là: 5.163.789.206 đồng (Tại ngày 31/12/2021: 5.163.789.206 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.8 Phải trả người bán**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.767.183.471</b>	<b>1.767.183.471</b>	<b>1.767.224.819</b>	<b>1.767.224.819</b>
Nguyễn Thị Dung	228.233.390	228.233.390	281.491.050	281.491.050
Trần Thanh Hải	104.514.552	104.514.552	163.630.500	163.630.500
Đinh Thị Huệ	701.371.546	701.371.546	568.246.000	568.246.000
Đối tượng khác	733.063.983	733.063.983	753.857.269	753.857.269
<b>Tổng</b>	<b>1.767.183.471</b>	<b>1.767.183.471</b>	<b>1.767.224.819</b>	<b>1.767.224.819</b>

**5.9 Người mua trả tiền trước**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>51.750.000</b>	<b>16.900.000</b>
Trung tâm hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa phía bắc	33.600.000	-
Đối tượng khác	18.150.000	16.900.000
<b>Tổng</b>	<b>51.750.000</b>	<b>16.900.000</b>

**5.10 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp nhà nước**

*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2022
	<b>Phải nộp</b>	<b>339.258.283</b>	<b>1.976.024.369</b>	<b>1.967.523.124</b>
Thuế giá trị gia tăng	339.258.283	795.977.169	793.975.924	341.259.528
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.143.255.859	1.143.255.859	-
Các loại thuế khác	-	9.500.000	3.000.000	6.500.000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	27.291.341	27.291.341	-
		<b>Số phải thu trong năm</b>	<b>Số đã thu trong năm</b>	<b>31/12/2022</b>
<b>Phải thu</b>	<b>-</b>	<b>495.320.556</b>	<b>-</b>	<b>495.320.556</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	5.353.759	-	5.353.759
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	489.966.797	-	489.966.797

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ THƯƠNG  
MẠI BẮNG GIANG CAO BẰNG - VIMICO**

Số 001, Phố Kim Đồng, Phường Hợp Giang, Thành phố  
Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, Việt Nam.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.11 Chi phí phải trả**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.045.325</b>	<b>2.111.280</b>
Trích trước chi phí viễn thông	1.550.000	2.111.280
Chi phí lãi vay	495.325	-
<b>Tổng</b>	<b>2.045.325</b>	<b>2.111.280</b>

**5.12 Doanh thu chưa thực hiện**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>974.132.590</b>	<b>1.097.009.387</b>
Doanh thu cho thuê mặt bằng	974.132.590	1.097.009.387
<b>b) Dài hạn</b>	<b>649.909.046</b>	<b>507.272.722</b>
Doanh thu cho thuê mặt bằng	649.909.046	507.272.722
<b>Tổng</b>	<b>1.624.041.636</b>	<b>1.604.282.109</b>

**5.13 Phải trả khác**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>69.822.446</b>	<b>12.302.873</b>
Kinh phí công đoàn	4.964.573	3.768.015
Các khoản phải trả khác	64.857.873	8.534.858
<b>Dài hạn</b>	<b>1.276.169.667</b>	<b>1.276.169.667</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (i)	300.000.000	300.000.000
Ngân hàng Agribank CN Cao Bằng (Lãi vay đầu tư xây dựng khách sạn Bằng Giang)	976.169.667	976.169.667
<b>Tổng</b>	<b>1.345.992.113</b>	<b>1.288.472.540</b>

(i) Ký quỹ tiền thuê mặt bằng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ THƯƠNG MẠI  
BẢNG GIANG CAO BẮNG - VIMICO**  
Số 001, Phố Kim Đồng, Phường Hợp Giang, Thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, Việt Nam.

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.14 Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2022		Phát sinh trong năm		01/01/2022		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay dài hạn đến hạn trả	139.089.996	139.089.996	116.031.246	208.266.246	231.324.996	231.324.996	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cao Bằng	139.089.996	139.089.996	116.031.246	208.266.246	231.324.996	231.324.996	
Vay dài hạn	157.932.513	157.932.513	-	116.031.246	273.963.759	273.963.759	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cao Bằng	157.932.513	157.932.513	-	116.031.246	273.963.759	273.963.759	
<b>Tổng</b>	<b>297.022.509</b>	<b>297.022.509</b>	<b>116.031.246</b>	<b>324.297.492</b>	<b>505.288.755</b>	<b>505.288.755</b>	

**Thông tin về các khoản vay**

**Các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Cao Bằng:**

**Vay dài hạn đến hạn trả:**

Hợp đồng tín dụng 275.2019/HĐCVTL/NHCT186-HĐCVTL/NHCT186-CTCP DL&TM BGCB-VIMICO ngày 08/8/2019, số tiền 1 tỷ đồng, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất vay điều chỉnh theo từng thời kỳ, tài sản đảm bảo theo HĐ 109 (giấy nhận nợ lần 1 ngày 08/8/2019 vay 400 triệu, lần 2 ngày 20/4/2020 vay 600 triệu).

**Dài hạn:**

Hợp đồng tín dụng 314.2020/HĐCVTL/NHCT186-CTCP DL&TM BGCB-VIMICO ngày 16/9/2020, số tiền 260.000.000 đồng thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất vay điều chỉnh theo từng thời kỳ, hợp đồng thế chấp tài sản số 109.2017/HĐTC-PBL thế chấp khách sạn Bằng Giang.

Hợp đồng tín dụng 319.2019/HĐCVTL/NHCT186-HĐCVTL/NHCT186-CTCP DL&TM BGCB-VIMICO ngày 16/9/2020, số tiền 258.000.000 đồng thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất vay điều chỉnh theo từng thời kỳ, tài sản đảm bảo theo HĐ 109 thế chấp khách sạn Bằng Giang.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.15 Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2021	18.000.000.000	730.777.438	(4.454.062.510)	14.276.714.928
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	(698.264.161)	(698.264.161)
Lỗi trong năm trước	-	-	(698.264.161)	(698.264.161)
<b>Số dư tại 31/12/2021</b>	<b>18.000.000.000</b>	<b>730.777.438</b>	<b>(5.152.326.671)</b>	<b>13.578.450.767</b>
Số dư tại 01/01/2022	18.000.000.000	730.777.438	(5.152.326.671)	13.578.450.767
Tăng trong năm	-	-	650.993.913	650.993.913
Lãi trong năm nay	-	-	650.993.913	650.993.913
<b>Số dư tại 31/12/2022</b>	<b>18.000.000.000</b>	<b>730.777.438</b>	<b>(4.501.332.758)</b>	<b>14.229.444.680</b>

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Tổng Công ty Khoáng sản - TKV	9.235.000.000	9.235.000.000
Văn phòng Tỉnh ủy Cao Bằng	7.516.000.000	7.516.000.000
Cổ đông khác	1.249.000.000	1.249.000.000
<b>Tổng</b>	<b>18.000.000.000</b>	<b>18.000.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	18.000.000.000	18.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	18.000.000.000	18.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.15 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2022	01/01/2022
	<u>Cổ phiếu</u>	<u>Cổ phiếu</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.800.000	1.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.800.000	1.800.000
Cổ phiếu phổ thông	1.800.000	1.800.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.800.000	1.800.000
Cổ phiếu phổ thông	1.800.000	1.800.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e. Các quỹ của doanh nghiệp**

	31/12/2022	01/01/2022
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Quỹ đầu tư phát triển	730.777.438	730.777.438

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2022	Năm 2021
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	10.553.325.314	6.127.894.169
<b>Tổng</b>	<b>10.553.325.314</b>	<b>6.127.894.169</b>
<i>Doanh thu với các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại thuyết minh 7.1)</i>	797.219.243	682.900.482

**6.2 Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2022	Năm 2021
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn của hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp	8.260.738.142	6.080.075.144
<b>Tổng</b>	<b>8.260.738.142</b>	<b>6.080.075.144</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi	2.465.846	1.203.731
<b>Tổng</b>	<b>2.465.846</b>	<b>1.203.731</b>

**6.4 Chi phí tài chính**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí lãi vay	41.612.170	80.987.237
<b>Tổng</b>	<b>41.612.170</b>	<b>80.987.237</b>

**6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>2.401.532.357</b>	<b>1.926.008.268</b>
Chi phí nhân viên quản lý	846.361.927	713.041.361
Chi phí đồ dùng văn phòng	24.209.777	-
Chi phí tiền thuê đất, thuê môn bài	1.173.547.200	933.133.332
Chi phí dịch vụ mua ngoài	55.594.878	96.738.660
Chi phí bằng tiền khác	301.818.575	183.094.915

**6.6 Thu nhập khác/ Chi phí khác**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Tiền hỗ trợ người lao động từ Tổng Công ty Khoáng sản TKV-CTCP	795.080.000	1.253.490.000
Thu nhập khác	25.574.546	17.689.998
<b>Tổng</b>	<b>820.654.546</b>	<b>1.271.179.998</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Phạt chậm nộp thuế và Bảo hiểm xã hội	7.529.124	551.410
Chi phí khác	14.040.000	10.920.000
<b>Tổng</b>	<b>21.569.124</b>	<b>11.471.410</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)</b>	<b>799.085.422</b>	<b>1.259.708.588</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>650.993.913</b>	<b>(698.264.161)</b>
Các khoản điều chỉnh tăng	7.529.124	21.394.426
<i>Chi phí lãi vay loại trừ theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP</i>	-	20.843.016
<i>chi phí không được trừ</i>	7.529.124	551.410
Các khoản điều chỉnh giảm	(658.523.037)	-
Lỗi năm trước chuyển sang	(658.523.037)	-
<b>Thu nhập tính thuế TNDN</b>	<b>-</b>	<b>(676.869.735)</b>
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)</b>	<b>650.993.913</b>	<b>(698.264.161)</b>
Các khoản điều chỉnh (i)	-	-
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>650.993.913</b>	<b>(698.264.161)</b>
Cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)	1.800.000	1.800.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	1.800.000	1.800.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>361,7</b>	<b>(387,9)</b>

(i) Tại ngày Báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban quản lý điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**7. THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

**a. Danh sách các bên liên quan**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
<b>Các doanh nghiệp liên quan</b>	
Tổng Công ty Khoáng sản TKV-CTCP	Công ty mẹ
Công ty CP Khoáng sản và Luyện Kim Cao Bằng	Cùng Công ty mẹ
Công ty CP Gang thép Cao Bằng	Cùng Công ty mẹ
Chi nhánh Mô tuyển đồng Sin Quyền Lào Cai	Cùng Công ty mẹ
Công ty CP Khoáng sản 3	Cùng Công ty mẹ
Công ty CP Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico	Cùng Công ty mẹ
Tỉnh uỷ Cao Bằng	Cổ đông lớn

Và các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát tham gia điều hành quản lý Công ty trong năm (chi tiết tại báo cáo Ban Giám đốc trang 2-3 của Báo cáo tài chính) và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này.

**b. Giao dịch với các nhân sự chủ chốt và cổ đông**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2022</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2021</u> <u>VND</u>
<b>Hội đồng Quản trị</b>	Thù lao	<b>38.880.000</b>	-
Ông Nguyễn Văn Viên	Thù lao	8.640.000	-
Bà Nông Thị Thúy	Thù lao	7.560.000	-
Ông Lê Văn Huyền	Thù lao	7.560.000	-
Ông Vương Văn Hường	Thù lao	7.560.000	-
Ông Đỗ Văn Thắng	Thù lao	7.560.000	-
<b>Ban Kiểm soát</b>		<b>21.240.000</b>	-
Bà Nông Thị Thuý Trang	Thù lao	7.560.000	-
Bà Đào Thị Vân Anh	Thù lao	6.840.000	-
Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh	Thù lao	6.840.000	-
<b>Ban Giám đốc</b>	Lương	<b>115.000.000</b>	<b>86.662.000</b>
Bà Nông Thị Thúy	Lương	115.000.000	86.662.000
<b>Tổng</b>		<b>175.120.000</b>	<b>86.662.000</b>

**c. Giao dịch với bên liên quan**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2022</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2021</u> <u>VND</u>
<b>Mua hàng</b>		<b>50.533.402</b>	<b>21.552.727</b>
Công ty CP Khoáng sản & luyện kim Cao Bằng	Mua hàng hóa	50.533.402	21.552.727
<b>Bán hàng</b>		<b>797.219.243</b>	<b>682.900.482</b>
Tổng Công ty Khoáng sản TKV-CTCP	Cung cấp dịch vụ	235.864.225	370.624.978
Công ty CP Khoáng sản và Luyện Kim Cao Bằng	Cung cấp dịch vụ	73.886.112	93.935.955
Công ty CP Gang thép Cao Bằng	Cung cấp dịch vụ	482.654.091	218.339.549
CN Mô tuyển đồng Sin quyền Lào Cai	Cung cấp dịch vụ	4.814.815	-
Tỉnh uỷ Cao Bằng	Cung cấp dịch vụ	85.500.000	482.075.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

**Số dư với bên liên quan**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
<b>Phải thu khách hàng</b>		<b>135.575.000</b>	<b>242.914.000</b>
Tổng Công ty Khoáng sản TKV-CTCP	Cung cấp dịch vụ	39.718.000	45.385.000
Công ty CP Khoáng sản và Luyện Kim Cao Bằng	Cung cấp dịch vụ	51.489.000	25.866.000
Công ty CP Gang thép Cao Bằng	Cung cấp dịch vụ	3.868.000	87.223.000
Văn phòng Tỉnh uỷ Cao Bằng	Cung cấp dịch vụ	40.500.000	84.440.000

**7.2 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Cao Bằng, ngày 24 tháng 3 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Lục Thị Yên

Dương Quốc Thái

Nông Thị Thúy